

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi
giai đoạn 2018-2025 tỉnh Đắk Nông”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/01/2009;

Căn cứ Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 06/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;

Căn cứ Quyết định số 1781/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về Người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012-2020;

Căn cứ Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi;

Căn cứ Thông tư số 21/2011/TT-BTC ngày 18/02/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ và biểu dương khen thưởng NCT;

Căn cứ Quyết định số 7618/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế, về việc phê duyệt Đề án Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi giai đoạn 2017-2025;

Căn cứ Công văn số 1439/BYT-TCDS ngày 24/3/2017 của Bộ Y tế, về việc xây dựng và triển khai Đề án Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi giai đoạn 2017-2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 177/TTr-SYT ngày 20/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi giai đoạn 2018-2025 tỉnh Đắk Nông” (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Sở Y tế chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các đoàn thể có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện Đề án “Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi giai đoạn 2018-2025 tỉnh Đắk Nông”.



Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- Tổng cục DS-KHHGĐ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Tổ chức CT-XH, đoàn thể;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Ph).

16

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tôn Thị Ngọc Hạnh



ĐỀ ÁN

Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi giai đoạn 2018-2025 tỉnh Đắk Nông
(Kèm theo Quyết định số ~~164~~ /QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ ÁN

- 1. Tên Đề án:** Đề án “Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi giai đoạn 2018-2025 tỉnh Đắk Nông”
 - 2. Cơ quan chủ quản:** Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông
 - 3. Cơ quan quản lý:** Sở Y tế tỉnh Đắk Nông
 - 4. Đơn vị thực hiện:** Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Đắk Nông
 - 5. Cơ quan, đơn vị phối hợp:** Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Người cao tuổi tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông
 - 6. Địa bàn triển khai**
 - Phạm vi thực hiện: Trên toàn tỉnh
 - Địa bàn triển khai: 07 huyện, 01 thị xã (bao gồm 71 xã, phường, thị trấn)
 - 7. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2018-2025
 - 8. Tổng kinh phí thực hiện:** 7.899.040.000 đồng
 - Kinh phí Trung ương đầu tư: 3.099.040.000 đồng
 - Kinh phí ngân sách tỉnh: 4.800.000.000 đồng
- * Chia làm 02 giai đoạn:*
- Giai đoạn 1:** Từ năm 2018-2020, với tổng kinh phí 2.978.240.000 đồng, trong đó:
- + Ngân sách Trung ương: 1.178.240.000 đồng
 - + Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 1.800.000.000 đồng
- Giai đoạn 2:** Từ năm 2021-2025, với tổng kinh phí 4.920.800.000 đồng, trong đó:
- + Ngân sách Trung ương: 1.920.800.000 đồng
 - + Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 3.000.000.000 đồng

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT

Già là quy luật tự nhiên không thể tránh được tất cả mọi người, nhưng quá trình già rất khác nhau, có người già sớm, có người già muộn, có người ốm yếu, có người khỏe mạnh... chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi (NCT) không chỉ kéo

dài tuổi thọ mà còn nâng cao chất lượng cuộc sống, giúp NCT tiếp tục sống khỏe, sống vui và sống có ích cho xã hội. Chăm sóc sức khỏe NCT vừa là trách nhiệm, nghĩa vụ “uống nước nhớ nguồn”, vừa thể hiện sự văn minh, tiên bộ của xã hội.

Chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta luôn coi con người là trung tâm của sự phát triển. Đảng ta đã khẳng định: “Đi đôi với phát triển, tăng trưởng kinh tế phải quan tâm giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Kinh tế phát triển là cơ sở, nguồn lực đảm bảo cho các chương trình xã hội, giáo dục, y tế, văn hóa phát triển. Song phát triển xã hội với nền giáo dục, y tế, văn hóa phát triển sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững...”

Hiện nay, NCT ở Việt Nam nói chung và tỉnh Đắk Nông nói riêng đang có xu hướng tăng nhanh. Tại Đắk Nông, số NCT khoảng hơn 28.580 người, tỷ lệ NCT (dân số từ 60 tuổi trở lên) đang tăng nhanh. Năm 2009, NCT Đắk Nông chiếm tỷ lệ 4,13% dân số, đến năm 2016 tỷ lệ này đã trên 4,7%. Trong đó, số NCT được cấp thẻ bảo hiểm y tế là 23.380 người, chiếm 81,8%, số người được khám sức khỏe định kỳ và lập hồ sơ quản lý sức khỏe là 1.800 người.

Theo quy luật tự nhiên, tuổi càng cao sức khỏe càng suy giảm. Với tỷ trọng NCT ngày càng tăng, đặc biệt là tốc độ tăng nhanh ở nhóm dân số cao tuổi nhất (80 tuổi trở lên) và số lượng NCT thọ từ 100 tuổi trở lên, đã đặt ra nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho NCT ngày càng lớn. Những bệnh thường gặp nhất ở NCT là bệnh về xương khớp, cao huyết áp, các bệnh về mắt và suy giảm trí nhớ. Tình trạng bệnh, tật đã ảnh hưởng lớn đến đời sống tâm lý, các hoạt động sinh hoạt hàng ngày và sự hòa nhập cộng đồng của NCT. Đa số NCT chưa có thói quen khám bệnh định kỳ, vì vậy khi phát hiện bệnh thường ở giai đoạn muộn khiến việc chữa trị rất khó khăn.

Tại Đắk Nông, hiện nay chưa có các cơ sở y tế chuyên chăm sóc sức khỏe cho NCT (bệnh viện lão khoa, trung tâm lão khoa...), đồng thời tại các bệnh viện tuyến tỉnh và huyện chưa thành lập khoa lão khoa, hoặc bố trí giường để điều trị người bệnh là NCT cũng như chưa có bác sĩ chuyên khoa về lão khoa. Chính vì lẽ đó, công tác chăm sóc sức khỏe cho NCT gặp rất nhiều khó khăn. Thêm vào đó là sự khó khăn của NCT tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế.

Xu hướng mô hình gia đình ở Việt Nam cũng như Đắk Nông đang thay đổi từ gia đình truyền thống sang gia đình hạt nhân. Con cái ngày càng có xu hướng sống độc lập với cha mẹ. Việc phải sống một mình là điều rất bất lợi đối với NCT, bởi gia đình luôn là chỗ dựa cả về tinh thần và vật chất rất quan trọng đối với NCT.

Mặc dù Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách về an sinh xã hội dành cho NCT như: Chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trợ cấp xã hội... nhưng hệ thống chính sách an sinh xã hội này mới chỉ hỗ trợ cho một bộ phận rất nhỏ của NCT. Đời sống vật chất của nhiều NCT còn gặp rất nhiều khó khăn.

Nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe NCT thích ứng với giai đoạn già hóa dân số của tỉnh nhà, UBND tỉnh Đắk Nông xây dựng Đề án chăm sóc sức khỏe NCT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025 với các nội dung như sau:

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG

- Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/01/2009;
- Căn cứ Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Căn cứ Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020;
- Căn cứ Nghị định số 06/NĐ-CP ngày 01/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NCT;
- Căn cứ Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện chăm sóc sức khỏe NCT;
- Căn cứ Thông tư số 21/2011/TT-BTC ngày 18/02/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho NCT tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ và biểu dương khen thưởng NCT;
- Căn cứ Quyết định số 1781/QĐ-TTg ngày 22/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động quốc gia về NCT Việt Nam giai đoạn 2012-2020;
- Căn cứ Kế hoạch số 340/KH-UBND ngày 30/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện chương trình hành động quốc gia về NCT tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012-2020;
- Căn cứ Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 17/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện chiến lược chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Y tế - Dân số;
- Căn cứ Quyết định số 7618/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án Chăm sóc sức khỏe NCT giai đoạn 2017-2025;
- Căn cứ Công văn số 1439/BYT-TCDS ngày 24/3/2017 của Bộ Y tế về việc xây dựng và triển khai Đề án Chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi;
- Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-TU ngày 28/6/2017 của Tỉnh ủy Đắk Nông về hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống y tế tỉnh Đắk Nông đến năm 2020;
- Căn cứ Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, về việc ban hành kế hoạch bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Đắk Nông đến năm 2020.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe NCT thích ứng với giai đoạn già hóa dân số góp phần thực hiện chương trình hành động quốc gia về NCT, chiến lược

dân số và sức khỏe sinh sản, chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Nâng cao nhận thức, tạo môi trường xã hội đồng thuận và phong trào toàn xã hội tham gia chăm sóc sức khỏe NCT

a) Các chỉ tiêu đến năm 2020

- 100% lãnh đạo, các cấp ủy Đảng chính quyền, ban, ngành, đoàn thể được cung cấp thông tin về già hóa dân số, thực trạng, nhu cầu chăm sóc sức khỏe NCT, ban hành văn bản chỉ đạo, kế hoạch về chăm sóc sức khỏe NCT.

- 85% NCT hoặc người thân trực tiếp chăm sóc NCT biết thông tin về già hóa dân số, quyền được chăm sóc sức khỏe của NCT và các kiến thức chăm sóc sức khỏe NCT.

b) Các chỉ tiêu đến năm 2025

- 100% lãnh đạo, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Ban, ngành, đoàn thể được cung cấp thông tin về già hóa dân số, thực trạng, nhu cầu chăm sóc sức khỏe NCT, ban hành văn bản chỉ đạo, kế hoạch về chăm sóc sức khỏe NCT.

- 100% NCT hoặc người thân trực tiếp chăm sóc NCT biết thông tin về già hóa dân số, quyền được chăm sóc sức khỏe của NCT và các kiến thức chăm sóc sức khỏe NCT.

2.2. Nâng cao sức khỏe của NCT trên cơ sở nâng cao kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe và tăng khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu của NCT

a) Các chỉ tiêu đến năm 2020

- 70% NCT có khả năng tự chăm sóc, được cung cấp kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe.

- 70% NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần/năm và được lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe.

b) Các chỉ tiêu đến năm 2025

- 80% NCT có khả năng tự chăm sóc, được cung cấp kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe.

- 80% NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần/năm và được lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe.

2.3. Đáp ứng đầy đủ nhu cầu khám, chữa bệnh của NCT với chất lượng ngày càng cao, chi phí và hình thức phù hợp (tại các cơ sở y tế, tại nhà,...)

a) Các chỉ tiêu đến 2020

- 75% NCT khi bị bệnh được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe;

- 85% NCT có thể bảo hiểm y tế;

- Bệnh viện tuyến tỉnh bố trí một số giường điều trị bệnh cho NCT.

b) Các chỉ tiêu đến 2025

- 90% NCT khi bị bệnh được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe;
- Bệnh viện tuyến tỉnh có tổ chức khoa lão khoa chăm sóc NCT;
- 100% NCT có thẻ bảo hiểm y tế.

2.4. Đáp ứng ngày càng đầy đủ nhu cầu chăm sóc sức khỏe dài hạn của NCT tại gia đình, cộng đồng

a) Các chỉ tiêu đến năm 2020: 85% NCT không có khả năng tự chăm sóc, được chăm sóc sức khỏe bởi gia đình và cộng đồng.

b) Các chỉ tiêu đến năm 2025: 100% NCT không có khả năng tự chăm sóc, được chăm sóc sức khỏe bởi gia đình và cộng đồng.

IV. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi, địa bàn thực hiện

- Phạm vi thực hiện: Trên toàn tỉnh
- Địa bàn triển khai: 07 huyện, 01 thị xã (bao gồm 71 xã, phường, thị trấn, ưu tiên triển khai trước tại các xã có đông NCT, xã vùng sâu, vùng xa).

2. Đối tượng

- Đối tượng thụ hưởng: NCT (người từ đủ 60 tuổi trở lên), gia đình có NCT.
- Đối tượng tác động: Cấp ủy Đảng, chính quyền và Ban, ngành, đoàn thể; cán bộ y tế, dân số; tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện kế hoạch; cộng đồng NCT sinh sống trên địa bàn tỉnh.

3. Thời gian thực hiện: Đề án thực hiện từ năm 2018 đến năm 2025 được chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (2018-2020): Tập trung chăm sóc sức khỏe NCT tại cộng đồng: Tăng cường các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi; tổ chức khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ quản lý sức khỏe NCT tại Trạm Y tế xã; thực hiện theo quy chuẩn chuyên môn, kỹ thuật trong các dịch vụ chăm sóc sức khỏe NCT; tăng cường năng lực khám chữa bệnh cho NCT của các cơ sở y tế; hướng dẫn sử dụng bảo hiểm y tế trong chăm sóc sức khỏe NCT; phổ biến tài liệu, tổ chức đào tạo về chăm sóc sức khỏe NCT; thực hiện các mô hình, loại hình chăm sóc sức khỏe dài hạn; xây dựng phong trào xã, phường phù hợp với NCT;
- Giai đoạn 2 (2021-2025): Tổng kết giai đoạn 1, lựa chọn đẩy mạnh các hoạt động của kế hoạch đã triển khai có hiệu quả trong giai đoạn 1; nhân rộng các mô hình chăm sóc sức khỏe dài hạn cho NCT, ưu tiên cho các mô hình chăm sóc sức khỏe NCT tại cộng đồng; tạo môi trường thân thiện cho NCT thông qua việc thúc đẩy phong trào xã, phường phù hợp với NCT.

V. CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Các hoạt động truyền thông giáo dục thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe NCT

a) Giai đoạn 1

- Thường xuyên tổ chức truyền thông giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng: Xây dựng các chuyên mục, phóng sự trên Đài truyền hình, Đài phát

thanh, Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn. Xây dựng chuyên trang, chuyên mục trên Báo Đất Nông;

- Định kỳ tổ chức các sự kiện truyền thông, các hội thảo, hội nghị, hội thi, hội diễn;

- Thường xuyên tổ chức truyền thông tư vấn trực tiếp hướng dẫn cho NCT tự chăm sóc bản thân và hướng dẫn cho cộng đồng, gia đình chăm sóc sức khỏe NCT;

- Lồng ghép với các hoạt động truyền thông khác.

b) Giai đoạn 2

Tiếp tục duy trì các hoạt động truyền thông tư vấn cho NCT và cộng đồng, (ưu tiên các địa bàn có kết quả hoạt động ở giai đoạn 1 hiệu quả chưa cao).

2. Các hoạt động xây dựng, triển khai phong trào xã, phường, thị trấn phù hợp với NCT

a) Giai đoạn 1

- Phối hợp với Trung ương xây dựng bộ tiêu chí xã, phường, thị trấn phù hợp với NCT;

- Phối hợp triển khai thử nghiệm xây dựng phong trào xã, phường, thị trấn phù hợp với NCT ở một số địa phương trong toàn tỉnh.

b) Giai đoạn 2

Căn cứ vào kết quả triển khai giai đoạn 1, triển khai phong trào xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với NCT trên toàn tỉnh.

3. Các hoạt động nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế trong thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho NCT

a) Giai đoạn 1

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về chăm sóc sức khỏe NCT cho cán bộ y tế (tuyến tỉnh, huyện, thị xã và cấp xã, phường).

- Thường xuyên tổ chức thực hiện chăm sóc sức khỏe NCT tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn theo quy định, bao gồm:

- + Tuyên truyền phổ biến kiến thức về rèn luyện thân thể, tăng cường sức khỏe và phòng bệnh đặc biệt các bệnh thường gặp ở NCT;

- + Hướng dẫn NCT các kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh, và tự chăm sóc sức khỏe;

- + Khám bệnh, chữa bệnh cho NCT tại Trạm Y tế và tại nơi cư trú của NCT để khám sàng lọc một số bệnh thường gặp ở NCT và lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho NCT;

- + Xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe cụ thể cho NCT.

b) Giai đoạn 2

- Căn cứ hướng dẫn của Trung ương về thực hiện Chiến dịch chăm sóc sức khỏe NCT tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn tiếp tục triển khai để trở thành hoạt động thường quy tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn;

- Đánh giá kết quả hoạt động giai đoạn 1, đồng thời điều chỉnh kế hoạch đào tạo tập huấn và các hoạt động khác phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và phù hợp với các văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế, các bộ ngành liên quan.

4. Các hoạt động xây dựng và duy trì hoạt động của đội ngũ chăm sóc sức khỏe NCT tại gia đình

a) Giai đoạn 1

- Thành lập tổ tình nguyện viên ở cấp xã (Trưởng Trạm Y tế làm Tổ trưởng, cán bộ Dân số và đại diện Hội NCT xã là Tổ phó; thành viên: Mỗi thôn có 3-5 người tình nguyện viên là cộng tác viên Dân số, y tế thôn bản, hội viên Hội NCT và thành viên là một số Ban, ngành ở thôn, bon, tổ dân phố);

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho mạng lưới tình nguyện viên về kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe NCT;

- Trang bị một số thuốc thiết yếu phục vụ chăm sóc sức khỏe NCT cho tình nguyện viên;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động của Tổ tình nguyện viên ở cấp xã, phường, thị trấn bao gồm:

+ Thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho NCT tại hộ gia đình được phân công;

+ Theo dõi, ghi chép tình hình sức khỏe của NCT được phân công;

+ Tổ chức các buổi họp của Tổ tình nguyện viên hàng tháng.

b) Giai đoạn 2

Tiếp tục duy trì các hoạt động giai đoạn 1, triển khai bổ sung mở rộng địa bàn và một số hoạt động theo hướng dẫn của Trung ương.

5. Các hoạt động xây dựng các câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT, lồng ghép các nội dung tự chăm sóc sức khỏe NCT vào các câu lạc bộ liên thể hệ và các loại hình câu lạc bộ của NCT khác

a) Giai đoạn 1

- Xây dựng và duy trì hoạt động câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT;

- Lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe vào các loại hình hoạt động khác của câu lạc bộ NCT và các hoạt hình các câu lạc bộ khác;

- Tổ chức tập huấn về chăm sóc sức khỏe NCT cho người nhà NCT, chủ nhiệm câu lạc bộ để hướng dẫn NCT tự chăm sóc sức khỏe;

- Tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ tập trung tại nhà văn hóa thôn/bon/TDP hoặc cơ sở khác có đủ điều kiện để:

+ Hướng dẫn kiến thức về rèn luyện thân thể, nâng cao sức khỏe, phòng bệnh đặc biệt là phòng các bệnh thường gặp ở NCT;

+ Hướng dẫn, cung cấp một số dịch vụ chăm sóc sức khỏe NCT đơn giản, dễ thực hiện cho người nhà NCT;

+ Chăm sóc sức khỏe tinh thần thông qua tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, giao lưu.

b) Giai đoạn 2

Tiếp tục duy trì các hoạt động giai đoạn 1, triển khai bổ sung mở rộng địa bàn và một số hoạt động theo hướng dẫn của Trung ương.

6. Các hoạt động thí điểm xã hội hóa chăm sóc y tế cho người cao tuổi tại các cơ sở chăm sóc tập trung

a) Giai đoạn 1

Năm 2020 triển khai thí điểm mô hình xã hội hóa Trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe NCT dài hạn và mô hình xã hội hóa Trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe NCT ban ngày theo hướng dẫn của Trung ương và điều kiện thực tế tại tỉnh.

b) Giai đoạn 2

Triển khai mô hình Trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe NCT dài hạn và Trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe NCT ban ngày theo hướng dẫn của Trung ương và điều kiện thực tế tại tỉnh.

7. Các hoạt động xây dựng quy hoạch phát triển nguồn lực chăm sóc sức khỏe NCT

Phối hợp với Trung ương xây dựng quy hoạch, phát triển nguồn lực chăm sóc sức khỏe NCT các cấp.

8. Các hoạt động tham gia các lớp đào tạo Bác sĩ chuyên khoa lão khoa, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về lão khoa cho người chăm sóc sức khỏe NCT

a) Giai đoạn 1

- Đào tạo bác sĩ chuyên khoa lão khoa;
- Đào tạo về chăm sóc sức khỏe NCT cho người chăm sóc sức khỏe NCT.

b) Giai đoạn 2

Tiếp tục đào tạo cho cán bộ y tế và hướng dẫn cho người chăm sóc sức khỏe NCT về các kiến thức lão khoa để thực hiện các mục tiêu của Đề án.

9. Các hoạt động đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ để kiểm điểm thực hiện các mục tiêu của Đề án

- Phối hợp triển khai các hoạt động đánh giá của địa phương;
- Quý IV năm 2018 thực hiện đánh giá đầu kỳ;
- Quý IV năm 2020 đánh giá giữa kỳ kiểm điểm thực hiện các mục tiêu của Đề án;
- Quý IV năm 2025, đánh giá cuối kỳ kiểm điểm thực hiện các mục tiêu của Đề án.

10. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án định kỳ và đột xuất tại các huyện, thị xã

Hàng năm, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Đề án tại các huyện, thị xã.

VI. KINH PHÍ ĐẦU TƯ

1. Nguồn vốn thực hiện

Vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác (các tổ chức kinh tế, xã hội và cá nhân tham gia).

2. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Đề án (*Phụ lục kinh phí kèm theo*)

Tổng kinh phí thực hiện: 7.899.040.000 đồng, trong đó:

- Kinh phí Trung ương đầu tư: 3.099.040.000 đồng

- Kinh phí ngân sách tỉnh: 4.800.000.000 đồng

Chia ra làm 02 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Năm 2018-2020 kinh phí: 2.978.240.000 đồng (*chi tiết tại Phụ lục 1*), trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 1.178.240.000 đồng

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 1.800.000.000 đồng

- Giai đoạn 2: Năm 2021-2025 kinh phí: 4.920.800.000 đồng (*chi tiết tại Phụ lục 2*), trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 1.920.800.000 đồng

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 3.000.000.000 đồng

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch Chăm sóc chăm sóc sức khỏe NCT giai đoạn 2018-2025 theo các nội dung của Đề án này, bố trí nhân lực thực hiện chăm sóc sức khỏe NCT theo hướng dẫn của Bộ Y tế và các quy định hiện hành tổ chức triển khai thực hiện Đề án. Hàng năm lập dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm định, chỉ đạo:

+ Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Đa khoa các huyện, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, tích cực tham gia thực hiện Đề án trong phạm vi nhiệm vụ; hỗ trợ, chuyển giao chuyên môn kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe NCT cho tuyến dưới. Tham gia đào tạo liên tục, đào tạo nâng cao về chuyên ngành lão khoa, phối hợp tham gia giảng dạy, tập huấn, hướng dẫn thực hành lão khoa;

+ Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh chủ trì đơn đốc, phối hợp các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Đề án; kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo Sở Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế. Lồng ghép triển khai có hiệu quả các hoạt động của Đề án với các hoạt động của các Chương trình/Dự án của Hội Người cao tuổi, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành khác có liên quan đang thực hiện trên cùng địa bàn đảm bảo, hiệu quả tiết kiệm.

2. Sở Tài chính

- Hàng năm Sở Tài chính căn cứ nhiệm vụ thực tiễn để triển khai kế hoạch và khả năng ngân sách để thẩm định dự toán chi tiết do Sở Y tế và các cơ quan có liên quan lập, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Kiểm tra việc sử dụng kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan.

3. Sở Kế hoạch - Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính và Sở Y tế cân đối và phân bổ kinh phí cho các hoạt động triển khai Đề án.

4. Hội Người cao tuổi tỉnh

- Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ tăng cường tuyên truyền, vận động giáo dục thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe NCT;

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của hội viên tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe NCT, đặc biệt là NCT thuộc diện chính sách, NCT có hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa.

5. UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Sở, Ban, ngành, đoàn thể

Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, Pháp luật của Nhà nước về NCT, già hóa dân số, quyền được chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; các kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe NCT và người cao tuổi tự chăm sóc.

6. UBND các huyện, thị xã

Xây dựng Kế hoạch của địa phương và bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách để thực hiện Đề án phù hợp với tình hình tại địa phương; tham mưu trình HĐND cùng cấp đưa chỉ tiêu chăm sóc sức khỏe NCT vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Thị Ngọc Hạnh

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI CAO TUỔI GIAI ĐOẠN 2018-2025

(Kèm theo Quyết định số 1764/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Nội dung nhiệm vụ và hoạt động	Dự tính kinh phí		
		Tổng kinh phí	KP Trung ương	KP địa phương
1	Truyền thông giáo dục thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2.229.440	1.253.440	976.000
1.1	Truyền thông giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng:	1.157.440	613.440	544.000
-	Xây dựng các chuyên mục, phóng sự phát trên sóng truyền hình, Đài truyền thanh (04 chuyên mục/năm x 10.000.000đ/1cm x 8 năm)	320.000	0	320.000
-	Xây dựng chuyên trang, chuyên mục trên báo Đắk Nông (04 chuyên trang/năm x 7.000.000đ/1CT x 8 năm)	224.000	0	224.000
-	Biên tập và Phát thanh trên đài truyền thanh xã/phường/thị trấn (12 phát thanh/năm x 90.000đ/1lần x 8 năm)	613.440	613.440	0
1.2	Xây dựng các pano, áp phích tuyên truyền tại các xã, phường, thị trấn (8 cái x 10.000.000đ/cái x 8 năm)	640.000	640.000	0
1.3	Thường xuyên tổ chức truyền thông trực tiếp (nói chuyện chuyên đề) hướng dẫn chăm sóc và NCT tự chăm sóc tại các xã, phường, thị trấn (15 xã/năm x 3.600.000đ/xã x 8 năm)	432.000	0	432.000
2	Xây dựng, triển khai phong trào xã/phường phù hợp với người cao tuổi	168.000	168.000	0
-	Xây dựng phong trào xã/phường phù hợp với NCT (21 xã x 1.000.000đ/xã x 8 năm)	168.000	168.000	0
3	Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế bao gồm cả Trạm Y tế xã/phường/thị trấn trong thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi	3.020.128	96.000	2.924.128
-	Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cho cán bộ y tế (tuyên tỉnh, huyện/thị xã và Trạm Y tế xã/phường/thị trấn. (1 năm/lần x 12.000.000đ/lần x 8 năm)	96.000	96.000	0
-	Lập Hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe NCT tại địa phương (In sổ theo dõi, quản lý sức khỏe tại TYT (71 xã x 56.000 đ/quyển x 8 năm)	31.808	0	31.808
-	Tổ chức khám sức khỏe NCT tại Trạm Y tế xã/phường/thị trấn để khám sàng lọc một số bệnh thường gặp ở NCT (71 xã x 4.740.000đ/xã x 8 năm)	2.692.320	0	2.692.320
-	Chi phí hỗ trợ cho cán bộ y tế xã/phường/thị trấn khám bệnh cho NCT cơ đơn, bệnh nặng (25.000.000đ/năm x 8 năm)	200.000	0	200.000

TT	Nội dung nhiệm vụ và hoạt động	Dự tính kinh phí		
		Tổng kinh phí	KP Trung ương	KP địa phương
4	Xây dựng và duy trì hoạt động của đội ngũ chăm sóc sức khỏe NCT	659.200	659.200	0
-	Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho mạng lưới tình nguyện viên về kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe NCT (kinh phí 1 lớp 10.300.000đ x 8 huyện, thị xã x 8 năm)	659.200	659.200	0
5	Xây dựng các câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, lồng ghép các nội dung tự chăm sóc sức khỏe người cao tuổi vào các câu lạc bộ liên thế hệ và các loại hình câu lạc bộ của người cao tuổi khác.	1.340.800	547.200	793.600
-	Xây dựng và duy trì hoạt động các câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT (171 câu lạc bộ x 4 lần/năm x 100.000đ/câu lạc bộ x 8 năm)	547.200	547.200	0
-	Tổ chức tập huấn về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cho người nhà người cao tuổi, chủ nhiệm câu lạc bộ để hướng dẫn người cao tuổi tự chăm sóc sức khỏe (12.400.000đ/lớp x 8 lớp/năm x 8 năm)	793.600	0	793.600
6	Tham gia các lớp đào tạo bác sỹ chuyên khoa lão khoa chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.	320.000	320.000	0
-	Đào tạo bác sỹ chuyên khoa lão khoa (20.000.000đ/năm x 8 năm).	160.000	160.000	0
-	Đào tạo về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cho người chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (20.000.000đ/năm x 8 năm).	160.000	160.000	0
7	Thực hiện đánh giá đầu kỳ; giữa kỳ và cuối kỳ quá trình thực hiện các mục tiêu của kế hoạch	55.200	55.200	0
-	Năm 2018 thực hiện đánh giá đầu kỳ.	18.400	18.400	0
-	Năm 2020 thực hiện đánh giá giữa kỳ kiểm điểm thực hiện các mục tiêu kế hoạch.	18.400	18.400	0
-	Năm 2025 thực hiện đánh giá cuối kỳ kiểm điểm thực hiện các mục tiêu của kế hoạch.	18.400	18.400	0
8	Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện theo kế hoạch định kỳ và đột xuất.	106.272	0	106.272
Tổng ngân sách		7.899.040	3.099.040	4.800.000

TỔNG HỢP KINH PHÍ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI CAO TUỔI GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Kèm theo Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Stt	Nội dung hoạt động	Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Tổng kinh phí		Trong đó	
		Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng kinh phí	Kinh phí Trung ương	Kinh phí NS tỉnh	
	TỔNG KINH PHÍ	998.880	398.880	600.000	980.480	380.480	600.000	998.880	398.880	600.000	2.978.240	1.178.240	1.800.000	
1	Hoạt động tăng cường truyền thông giáo dục thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe NCT	278.680	156.680	122.000	278.680	156.680	122.000	278.680	156.680	122.000	836.040	470.040	366.000	
1.1	Truyền thông giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng	144.680	76.680	68.000	144.680	76.680	68.000	144.680	76.680	68.000	434.040	230.040	204.000	
-	Xây dựng các chuyên mục, phóng sự trên sóng Truyền hình, Đài phát thanh	40.000	-	40.000	40.000	-	40.000	40.000	-	40.000	120.000	-	120.000	
-	Xây dựng chuyên trang, chuyên mục trên báo Đắk Nông	28.000	-	28.000	28.000	-	28.000	28.000	-	28.000	84.000	-	84.000	
-	Phát thanh trên Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn	76.680	76.680	-	76.680	76.680	-	76.680	76.680	-	230.040	230.040	-	
1.2	Xây dựng các cụm pano, áp phích tuyên truyền tại các thôn, bon, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn	80.000	80.000	-	80.000	80.000	-	80.000	80.000	-	240.000	240.000	-	
1.3	Thường xuyên tổ chức truyền thông trực tiếp (nói chuyện chuyên đề) hướng dẫn chăm sóc và NCT tự chăm sóc	54.000	-	54.000	54.000	-	54.000	54.000	-	54.000	162.000	-	162.000	
2	Hoạt động xây dựng, triển khai phong trào xã, phường phù hợp với NCT	21.000	21.000	-	21.000	21.000	-	21.000	21.000	-	63.000	63.000	-	
3	Hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ y tế, bao gồm cả Trạm Y tế xã, phường, thị trấn trong thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho NCT	377.516	12.000	365.516	377.516	12.000	365.516	377.516	12.000	365.516	1.132.548	36.000	1.096.548	

Stt	Nội dung hoạt động	Năm 2018				Năm 2019				Năm 2020			Tổng kinh phí		Trong đó	
		Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí NS tỉnh			
3.1	Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về chăm sóc sức khỏe NCT cho cán bộ y tế (tuyến tỉnh, huyện, thị xã và Trạm Y tế xã, phường, thị trấn tổ chức tại tỉnh).	12.000	12.000	-	12.000	12.000	-	12.000	12.000	-	36.000	36.000	-			
3.2	Lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe cho NCT tại địa phương	3.976	-	3.976	3.976	-	3.976	3.976	-	3.976	11.928	-	11.928			
3.3	Tổ chức khám sức khỏe người cao tuổi tại Trạm Y tế xã/phường/thị trấn để sàng lọc một số bệnh thường gặp ở NCT và lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho NCT (71 xã x 4.740.000đồng/lần, tổ chức tại xã)	336.540	-	336.540	336.540	-	336.540	336.540	-	336.540		-	1.009.620			
3.4	Chi phí hỗ trợ cho bán bộ y tế xã phường, thị trấn khám bệnh cho NCT có đơn, bệnh nặng (3000đ/1km)	25.000	-	25.000	25.000	-	25.000	25.000	-	25.000	75.000	-	75.000			
4	Hoạt động xây dựng và duy trì hoạt động của đội ngũ chăm sóc sức khỏe NCT tại gia đình: Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho mạng lưới tình nguyện viên về kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe NCT (71 xã x 3-5 tình nguyện viên/xã, tổ chức tại huyện)	82.400	82.400	-	82.400	82.400	-	82.400	82.400	-	247.200	247.200	-			
5	Hoạt động xây dựng các câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT, lồng ghép các nội dung tự chăm sóc sức khỏe NCT vào các câu lạc bộ liên thể hệ và các loại hình câu lạc bộ NCT khác	167.600	68.400	99.200	167.600	68.400	99.200	167.600	68.400	99.200	502.800	205.200	297.600			
5.1	Xây dựng và duy trì hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT (171 câu lạc bộ x 4 lần/năm x 100.000 đồng/câu lạc bộ)	68.400	68.400	-	68.400	68.400	-	68.400	68.400	-	205.200	205.200	-			

Stt	Nội dung hoạt động	Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Tổng kinh phí		Trong đó	
		Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng kinh phí	Kinh phí Trung ương	Kinh phí NS tỉnh	
5.2	Tổ chức tập huấn về chăm sóc sức khỏe NCT cho người nhà, chủ nhiệm câu lạc bộ để hướng dẫn NCT tự chăm sóc sức khỏe	99.200	-	99.200	99.200	-	99.200	99.200	-	99.200	297.600	-	297.600	
6	Hoạt động tham gia các lớp đào tạo Bác sĩ chuyên khoa lão khoa; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về lão khoa cho người chăm sóc sức khỏe NCT	40.000	40.000	-	40.000	40.000	-	40.000	40.000	-	120.000	120.000	-	
6.1	Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa lão khoa	20.000	20.000	-	20.000	20.000	-	20.000	20.000	-	60.000	60.000	-	
6.2	Đào tạo về chăm sóc sức khỏe NCT cho người chăm sóc sức khỏe NCT	20.000	20.000	-	20.000	20.000	-	20.000	20.000	-	60.000	60.000	-	
7	Hoạt động thực hiện đánh giá đầu kỳ; giữa kỳ và cuối kỳ quá trình thực hiện các mục tiêu của Đề án	18.400	18.400	-	-	-	-	18.400	18.400	-	36.800	36.800	-	
7.1	Năm 2018 thực hiện đánh giá đầu kỳ	18.400	18.400	-	-	-	-	-	-	-	18.400	18.400	-	
7.2	Năm 2020 thực hiện đánh giá giữa kỳ thực hiện các mục tiêu kế hoạch	-	-	-	-	-	-	18.400	18.400	-	18.400	18.400	-	
8	Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án định kỳ và đột xuất	13.284	-	13.284	13.284	-	13.284	13.284	-	13.284	39.852	-	39.852	

TỔNG HỢP KINH PHÍ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI CAO TUỔI GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Stt	Nội dung hoạt động	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Tổng kinh phí	Trong đó	
		Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh		Kinh phí Trung ương	Kinh phí NS tỉnh
	TỔNG KINH PHÍ	980.480	380.480	600.000	980.480	380.480	600.000	980.480	380.480	600.000	980.480	380.480	600.000	998.880	398.880	600.000	4.920.800	1.920.800	3.000.000
1	Hoạt động tăng cường truyền thông giáo dục thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe NCT	278.680	156.680	122.000	278.680	156.680	122.000	278.680	156.680	122.000	278.680	156.680	122.000	278.680	156.680	122.000	1.393.400	783.400	610.000
1.1	Truyền thông giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng	144.680	76.680	68.000	144.680	76.680	68.000	144.680	76.680	68.000	144.680	76.680	68.000	144.680	76.680	68.000	723.400	383.400	340.000
-	Xây dựng các chuyên mục, phóng sự trên sóng Truyền hình, Đài phát thanh	40.000	-	40.000	40.000	-	40.000	40.000	-	40.000	40.000	-	40.000	40.000	-	40.000	200.000	-	200.000
-	Xây dựng chuyên trang, chuyên mục trên Báo Đắk Nông	28.000	-	28.000	28.000	-	28.000	28.000	-	28.000	28.000	-	28.000	28.000	-	28.000	140.000	-	140.000
-	Phát thanh trên Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn	76.680	76.680	-	76.680	76.680	-	76.680	76.680	-	76.680	76.680	-	76.680	76.680	-	383.400	383.400	-
1.2	Xây dựng các cụm pano, áp phích tuyên truyền tại các thôn, bon, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn	80.000	80.000	-	80.000	80.000	-	80.000	80.000	-	80.000	80.000	-	80.000	80.000	-	400.000	400.000	-
1.3	Thường xuyên tổ chức truyền thông trực tiếp (nói chuyện chuyên đề) hướng dẫn chăm sóc và NCT tự chăm sóc	54.000	-	54.000	54.000	-	54.000	54.000	-	54.000	54.000	-	54.000	54.000	-	54.000	270.000	-	270.000
2	Hoạt động xây dựng, triển khai phòng trào xã/phường phù hợp với NCT	21.000	21.000	-	21.000	21.000	-	21.000	21.000	-	21.000	21.000	-	21.000	21.000	-	105.000	105.000	-
3	Hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ y tế bao gồm cả Trạm Y tế xã, phường, thị trấn trong thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho NCT	377.516	12.000	365.516	377.516	12.000	365.516	377.516	12.000	365.516	377.516	12.000	365.516	377.516	12.000	365.516	1.887.580	60.000	1.827.580
3.1	Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về chăm sóc sức khỏe NCT cho cán bộ y tế (tuyến tỉnh, huyện, thị xã và Trạm Y tế xã, phường, thị trấn tổ chức tại tỉnh)	12.000	12.000	-	12.000	12.000	-	12.000	12.000	-	12.000	12.000	-	12.000	12.000	-	60.000	60.000	-

Stt	Nội dung hoạt động	Năm 2021				Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024				Tổng kinh phí	Trong đó ¹	
		Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Kinh phí Trung ương		Kinh phí NS tỉnh	
3.2	Lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe cho NCT tại địa phương	3.976	-	3.976	3.976	-	3.976	3.976	-	3.976	3.976	-	3.976	3.976	-	3.976	19.880	-	19.880	
-	In sổ theo dõi quản lý sức khỏe cho NCT tại TYT	3.976	-	3.976	3.976	-	3.976	3.976	-	3.976	3.976	-	3.976	3.976	-	3.976	19.880	-	19.880	
3.3	Tổ chức khám sức khỏe người cao tuổi tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn để sàng lọc một số bệnh thường gặp ở NCT và lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho NCT (71 xã x 4.740.000đồng/lần, tổ chức tại xã)	336.540	-	336.540	336.540	-	336.540	336.540	-	336.540	336.540	-	336.540	336.540	-	336.540	1.682.700	-	1.682.700	
3.4	Chi phí hỗ trợ cho ban bộ y tế xã phường, thị trấn khám bệnh cho NCT cô đơn, bệnh nặng (3000đ/1km)	25.000	-	25.000	25.000	-	25.000	25.000	-	25.000	25.000	-	25.000	25.000	-	25.000	125.000	-	125.000	
4	Hoạt động xây dựng và duy trì hoạt động của đội ngũ chăm sóc sức khỏe NCT tại gia đình	82.400	82.400	-	82.400	82.400	-	82.400	82.400	-	82.400	82.400	-	82.400	82.400	-	412.000	412.000	-	
-	Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho mạng lưới tình nguyện viên về kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe NCT	82.400	82.400	-	82.400	82.400	-	82.400	82.400	-	82.400	82.400	-	82.400	82.400	-	412.000	412.000	-	
5	Hoạt động xây dựng các câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT, lồng ghép các nội dung tư chăm sóc sức khỏe NCT vào các câu lạc bộ liên thể hệ và các loại hình câu lạc bộ người cao tuổi khác	167.600	68.400	99.200	167.600	68.400	99.200	167.600	68.400	99.200	167.600	68.400	99.200	167.600	68.400	99.200	838.000	342.000	496.000	
5.1	Xây dựng và duy trì hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe NCT	68.400	68.400	-	68.400	68.400	-	68.400	68.400	-	68.400	68.400	-	68.400	68.400	-	342.000	342.000	-	
5.2	Tổ chức tập huấn về chăm sóc sức khỏe NCT cho người nhà, chủ nhiệm câu lạc bộ để hướng dẫn NCT tự chăm sóc sức khỏe	99.200	-	99.200	99.200	-	99.200	99.200	-	99.200	99.200	-	99.200	99.200	-	99.200	496.000	-	496.000	

Stt	Nội dung hoạt động	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Tổng kinh phí	Trong đó	
		Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh	Tổng cộng	Kinh phí Trung ương	Kinh phí tỉnh		Kinh phí Trung ương	Kinh phí NS tỉnh
6	Hoạt động tham gia các lớp đào tạo Bác sĩ chuyên khoa lão khoa; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về lão khoa cho người chăm sóc sức khỏe NCT	40.000	40.000	-	40.000	40.000	-	40.000	40.000	-	40.000	40.000	-	40.000	40.000	-	200.000	200.000	-
6.1	Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa lão khoa	20.000	20.000	-	20.000	20.000	-	20.000	20.000	-	20.000	20.000	-	20.000	20.000	-	100.000	100.000	-
6.2	Đào tạo về chăm sóc sức khỏe NCT cho người chăm sóc sức khỏe NCT	20.000	20.000	-	20.000	20.000	-	20.000	20.000	-	20.000	20.000	-	20.000	20.000	-	100.000	100.000	-
7	Hoạt động thực hiện đánh giá đầu kỳ; giữa kỳ và cuối kỳ quá trình thực hiện các mục tiêu của Đề án	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.400	18.400	-	18.400	18.400	-
-	Năm 2025 thực hiện đánh giá cuối kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.400	18.400	-	18.400	18.400	-
8	Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án định kỳ và đột xuất	13.284	-	13.284	13.284	-	13.284	13.284	-	13.284	13.284	-	13.284	13.284	-	13.284	66.420	-	66.420